

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Đức Hữu

Ông Nguyễn Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLST- HNGĐ ngày 12/7/2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hồng M, sinh năm 1978

Cư trú tại: Khu HC Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế L, sinh năm 1979

Cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ

Chị M có mặt, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Bùi Thị Hồng M trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế L kết hôn năm 2004 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ. Sau khi kết hôn anh L về chung sống cùng gia đình nhà chị tại thôn V, xã T, huyện Đ. Khi kết hôn chị là giáo viên dạy trường mầm non còn anh L là giáo viên dạy trường cấp hai. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên xích mích, đánh chửi nhau. Sau đó anh L bỏ nghề giáo viên và đi làm việc ở nhiều nơi. Đến năm 2013 thì anh L bỏ và chuyển hộ khẩu về quê ở huyện Y để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Tuy trong quá trình giải quyết anh L có đơn xin giải quyết vắng mặt, nhưng có bản khai xác nhận thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến nay anh

cũng xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được, chị M xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Chị M và anh L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thành L1, sinh ngày 04/7/2005, hiện đang ở với chị M. Sau khi ly hôn chị M và anh L thỏa thuận, chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị M và anh L đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tuy bị đơn là anh Nguyễn Thế L cư trú tại huyện Y, tỉnh Phú Thọ, nhưng anh L và chị M đã có đơn thỏa thuận nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng là nơi cư trú của chị M giải quyết việc ly hôn, nên Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng M và anh Nguyễn Thế L kết hôn năm 2004 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện Đ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn không có trách nhiệm với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh L đã căng thẳng trầm trọng, kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3]. Về con chung: Chị M và anh L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thành L1, sinh ngày 04/7/2005, hiện đang ở với chị M. Sau khi ly hôn chị M và anh L thỏa thuận, chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M. Xét thỏa thuận của chị M và anh L là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L1, do vậy cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị M và anh L đều không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát và xét xử vắng mặt bị đơn: Trong vụ án này, Tòa án không phải tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ nào nên phiên tòa không có đại diện Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Hồng M và anh Nguyễn Thế L.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Hồng M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành L1, sinh ngày 04/7/2005. Anh Nguyễn Thế L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hồng M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0002846 ngày 12/7/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị Bùi Thị Hồng M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Vũ Thường